

Câu 6. Đặc trưng của khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh. B. cận xích đạo gió mùa có 2 mùa rõ rệt.
C. nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh. D. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 7. Gió thổi vào nước ta mang lại thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa đông và lạnh ẩm vào cuối mùa đông cho miền Bắc là

- A. gió Mậu dịch nửa cầu Nam. B. gió Mậu dịch nửa cầu Bắc.
C. gió mùa Đông Bắc. D. gió Tây Nam từ vịnh Tây Bengal.

Câu 8. Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa, do

- A. trong năm có hai mùa mưa và mùa khô.
B. độ dốc địa hình lớn, mưa nhiều vào mùa hạ.
C. mưa nhiều trên địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn.
D. đồi núi bị cắt xẻ, độ dốc lớn, mưa nhiều.

Câu 9. Đặc điểm của bão ở nước ta

- A. mùa bão chậm dần từ bắc vào nam.
B. diễn ra suốt năm và trên phạm vi cả nước.
C. tất cả đều xuất phát từ Biển Đông.
D. chỉ diễn ra ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16°B.

Câu 10. Công cuộc đổi mới của nước ta từ năm 1986 là

- A. đổi mới ngành nông nghiệp. B. đổi mới ngành công nghiệp.
C. đổi mới về chính trị. D. đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội.

Câu 11. Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường, nhập cư là vùng

- A. lãnh hải. B. tiếp giáp lãnh hải.
C. vùng đặc quyền kinh tế. D. thềm lục địa.

Câu 12. Thủy chế theo mùa là hệ quả của chế độ

- A. gió mùa. B. mưa mùa. C. sinh vật. D. đất đai.

Câu 13. Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình nước ta hiện tại là

- A. xâm thực - bồi tụ. B. bồi tụ - xâm thực.
C. bồi tụ. D. xâm thực.

Câu 14. Sự khác nhau về thiên nhiên giữa các vùng núi theo Đông – Tây chủ yếu do

- A. hoạt động của gió mùa ở vùng núi cao.
B. gió mùa với hướng của các dãy núi.
C. gió mùa với độ cao của núi.
D. hoạt động của gió mùa ở đồng bằng.

- Câu 15.** Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác với Tây Bắc ở điểm
- mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn.
 - mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Tây.
 - mùa đông lạnh đến sớm và kết thúc muộn.
 - khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình.
- Câu 16.** Điểm khác biệt nhất về địa hình của đồng bằng sông Hồng so với đồng bằng sông Cửu Long là
- địa hình thấp.
 - có một số vùng trũng.
 - không ngừng mở rộng.
 - có hệ thống đê ngăn lũ.
- Câu 17.** Do nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm, gió mùa nên thiên nhiên nước ta có
- khí hậu ôn hoà, dễ chịu.
 - sinh vật đa dạng.
 - khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn.
 - đất đai rộng lớn và phì nhiêu.
- Câu 18.** Lượng ẩm cao do biển Đông mang lại đã ảnh hưởng như thế nào đến cảnh quan thiên nhiên nước ta?
- Xúc tiến mạnh mẽ vòng tuần hoàn sinh vật.
 - Quá trình tái sinh, phục hồi rừng diễn ra nhanh chóng.
 - Cảnh quan thiên nhiên rừng chiếm ưu thế.
 - Thảm thực vật xanh tươi quanh năm.
- Câu 19.** Điều kiện tự nhiên cho phép phát triển các hoạt động du lịch biển quanh năm ở các vùng
- Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
 - Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.
 - Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
 - Bắc Bộ và Nam Bộ.
- Câu 20.** Gió mùa đông bắc xuất phát từ
- áp cao cận chí tuyến Nam.
 - từ vịnh Bengan.
 - áp cao cận chí tuyến Bắc.
 - từ áp cao Xibia.
- Câu 21.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết nhóm đất nào có diện tích lớn nhất ở nước ta ?
- Đất feralit trên đá badan.
 - Đất feralit trên đá vôi.
 - Đất xám trên phù sa cổ.
 - Đất feralit trên các loại đá khác.
- Câu 22.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào **không** giáp với Lào ?
- Lai Châu.
 - Điện Biên.
 - Sơn La.
 - Thanh Hóa.
- Câu 23.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết miền khí hậu phía Bắc **không** có vùng khí hậu nào sau đây ?
- Vùng khí hậu Tây Bắc.
 - Vùng khí hậu Đông Bắc.
 - Vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ.
 - Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
- Câu 24.** Để giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động ở nước ta, hướng nào dưới đây đạt hiệu quả cao nhất?
- Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
 - Thực hiện tốt chính sách dân số và sức khỏe sinh sản.
 - Phát triển kinh tế, chú ý thích đáng ngành dịch vụ.
 - Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Câu 25. Cho bảng số liệu

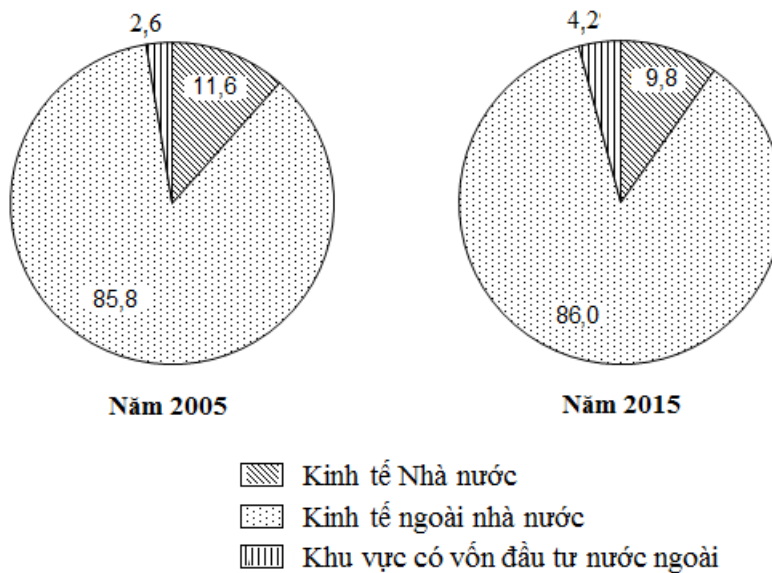
NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG, NĂM TẠI HÀ NỘI VÀ TP HỒ CHÍ MINH (°C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2	23,5
TPHCM	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7	27,1

Nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Biên độ nhiệt năm của Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh.
- B. Nền nhiệt của TP. Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội.
- C. TP. Hồ Chí Minh không có mùa đông lạnh.
- D. TP. Hồ Chí Minh có đỉnh nhiệt vào tháng IV.

Câu 26. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2015 so với năm 2005?

- A. Kinh tế ngoài Nhà nước và kinh tế Nhà nước tăng.
- B. Kinh tế Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.
- C. Kinh tế Nhà nước giảm, kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
- D. Kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.

Câu 27. Cho Bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo khu vực kinh tế của nước ta theo giá hiện hành giai đoạn 2000 đến 2014 (Đơn vị: tỉ đồng)

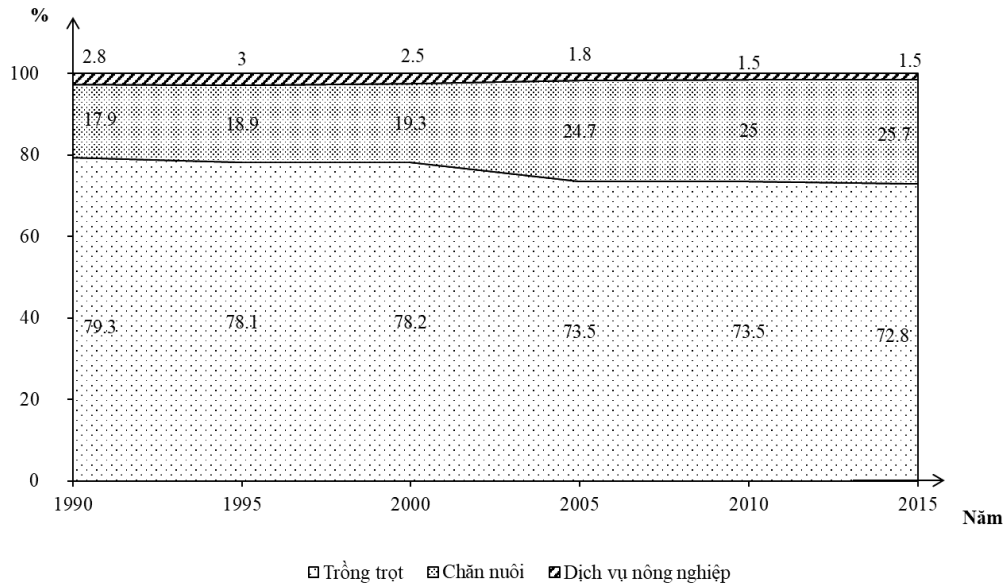
Năm	Tổng số	Chia ra		
		Nông – lâm – thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2000	441.646	108.356	162.220	171.070
2005	914.001	176.402	348.519	389.080
2010	2.157.828	407.647	824.904	925.277
2014	3.542.101	696.969	1.307.935	1.537.197

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 2000 đến 2014 là biểu đồ

- A. miền. B. tròn. C. cột chồng. D. kết hợp.

Câu 28. Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta, giai đoạn 1990 – 2015?

- A. Tỷ trọng ngành trồng trọt có xu hướng tăng nhẹ.
 B. Ngành chăn nuôi chiếm tỷ trọng lớn nhất.
 C. Trồng trọt chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng giảm.
 D. Tỷ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp tăng nhanh.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)

Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2016

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2000	2005	2010	2012	2016
Xuất khẩu	14,5	32,4	72,2	114,5	176,6
Nhập khẩu	15,6	36,8	84,8	113,8	174,8

(Nguồn: Tổng cục thống kê 2018)

- Tính cán cân xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2000 - 2016.
- Vẽ biểu đồ cột thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2000 – 2016 và rút ra các nhận xét cần thiết.

-----Hết-----